

THÔNG BÁO

Công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC xã Dương Hà

Căn cứ Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 30/01/2023 của UBND huyện Gia Lâm về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) năm 2023 trên địa bàn huyện; Báo cáo số 730/BC - UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Gia Lâm về kết quả rà soát TTHC trên địa bàn huyện Quý IV/2023

UBND xã Dương Hà tổ chức công khai TTHC của các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và tổ chức thực hiện tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC xã, như sau:

1. Nội dung công khai

1.1. Công khai 129 TTHC đang tiếp nhận ở mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4 của tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã

Trong đó:

- + Công khai 120 TTHC thực hiện theo ủy quyền của xã
- + Công khai 09 TTHC Huyện ủy quyền về UBND cấp xã

1.2. Công khai 47 TTHC liên thông trên địa bàn xã

Trong đó:

- + TTHC liên thông cấp xã – huyện : 24 TTHC
- + TTHC liên thông cấp xã – Thành phố: 02 TTHC
- + TTHC liên thông cấp xã – Thành phố - Trung ương: 01 TTHC
- + TTHC liên thông cấp xã – Huyện – Thành phố - Trung ương: 05 TTHC
- + TTHC liên thông xã – huyện – Thành phố: 15 TTHC

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

TT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC	Trong đó		
			TTHC thực hiện theo thẩm quyền	TTHC huyện ủy quyền về xã	TTHC liên thông
1	Tư pháp	40	37		3
2	Y tế	2	2		
3	Thanh tra	7	7		
4	Văn hóa – thông tin	10	7	3	

5	Giáo dục	5	5		
6	LĐTĐBXH	58	14	6	36
7	Quản lý đô thị	10	10		
8	Tài nguyên và môi trường	11	3		8
9	Nội vụ	15	15		
10	Kinh tế	20	20		
	Tổng số	176	120	9	47

1.3. Công khai 19 TTHC bãi bỏ cấp xã

2. Địa điểm công khai: Tại Trụ sở Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC xã và trang thông tin điện tử của UBND xã

3. Hình thức công khai

- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử xã Dương Hà, địa chỉ: <http://duongha.hanoi.gov.vn>

- Niêm yết công khai tại Trụ sở Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC xã Dương Hà.

4. Thời gian công khai: Từ ngày 21/12/2023 đến khi quy trình TTHC hết hiệu lực hoặc thay thế.

Thông báo này thay thế Thông báo số 124/TB-UBND ngày 28/10/2023 của UBND xã Dương Hà về công khai TTHC giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC xã Dương Hà.

UBND xã Dương Hà thông báo để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu giải quyết TTHC được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Văn phòng UBND huyện;
- Bộ phận một cửa ;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Tú

Phụ lục II
DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ LĨNH VỰC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản công bố/văn bản quy định	Số ngày thực hiện	TTHC liên thông	DVC TT một phần	DVC TT toàn trình	Ghi chú
1	TTHC được công bố						
1	Đăng ký khai sinh (Mã số 1.001193.000.00.00.H26)		Trong ngày			X	
2	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (Mã số 1.004772)		05 ngày làm việc Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày			X	
3	Đăng ký khai sinh lưu động (Mã số 1.003583)		05 ngày làm việc			X	
4	Đăng ký khai sinh kết hợp nhân cha, mẹ, con (Mã số 1.000689.000.00.00.H26)		03 ngày làm việc Trường hợp cần xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc			X	
5	Đăng ký lại khai sinh (Mã số 1.004884.000.00.00.H26)		05 ngày làm việc Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày			X	
6	Đăng ký kết hôn (Mã số 1.000894.000.00.00.H26)		Trong ngày làm việc Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc			X	
7	Đăng ký kết hôn lưu động (Mã số 1.000593)		05 ngày làm việc			X	
8	Đăng ký lại kết hôn (Mã số 1.004746.000.00.00.H26)		05 ngày làm việc Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày			X	
9	Đăng ký khai tử (Mã số 1.000656.000.00.00.H26)		Trong ngày làm việc			X	
10	Đăng ký khai tử lưu động (Mã số 1.000419)		05 ngày làm việc			X	
11	Đăng ký lại khai tử (Mã số 1.005461.000.00.00.H26)		05 ngày làm việc Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc			X	
12	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch (Mã số 2.000748.000.00.00.H26)		* 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày * 08 giờ làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch			X	
13	Đăng ký nhận cha, mẹ, con (Mã số 1.001022.000.00.00.H26)		03 ngày làm việc Trường hợp cần xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc			X	
14	Đăng ký giám hộ (Mã số 1.004837.000.00.00.H26)		03 ngày làm việc			X	
15	Đăng ký chấm dứt giám hộ (Mã số 1.004845.000.00.00.H26)		02 ngày làm việc			X	
16	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Mã số 1.004873.000.00.00.H26)		03 ngày làm việc Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày			X	
17	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch (Mã số 2.000635.000.00.00.H26)		Trong ngày làm việc			X	

18	Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi (trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng, chăm sóc có đăng ký thường trú trên địa bàn cấp huyện)	QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND thành phố Hà Nội	<p>* Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với thủ tục liên thông về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi.</p> <p>* Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với việc thực hiện liên thông các thủ tục về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế trong trường hợp đăng ký thường trú cho trẻ em mới sinh từ 01 đến 60 ngày tuổi mà có bố, mẹ cùng hộ khẩu.</p> <p>* Trường hợp hồ sơ hoặc thông tin không đảm bảo theo quy định, Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu cơ quan Công an hoặc Bảo hiểm y tế thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc.</p> <p>* Trường hợp trụ sở UBND cấp xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện hoặc Công dân cấp huyện từ 50 lần trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa có kết nối internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc.</p>	X		X	
19	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước (Mã số 2.001263.000.00.00.H26)	QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND thành phố Hà Nội	<p>Thời hạn 30 ngày, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến. - Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước, tổ chức giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý. 			X	
20	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước (Mã số 2.001255.000.00.00.H26)		Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			X	
21	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật (Mã số 2.001457.000.00.00.H26)		Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp - hộ tịch.			X	
22	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật (Mã số 2.001449.000.00.00.H26)		Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của công chức tư pháp - hộ tịch.			X	

23	Giải quyết yêu cầu bồi thường tai cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (Mã số 2.002165.000.00.00.H26)	QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND thành phố Hà Nội	<p>30 ngày đối với vụ việc nộp hồ sơ trực tiếp;</p> <p>* 56 ngày đối với vụ việc nộp hồ sơ trực tiếp phức tạp;</p> <p>* 61 ngày đối với vụ việc nộp hồ sơ trực tiếp cần gia hạn;</p> <p>* 81 ngày đối với vụ việc nộp hồ sơ trực tiếp phức tạp, cần gia hạn;</p> <p>* 40 ngày đối với vụ việc nộp hồ sơ qua đường bưu điện;</p> <p>* 60 ngày đối với vụ việc nhận qua đường bưu điện phức tạp;</p> <p>* 65 ngày đối với vụ việc nhận qua đường bưu điện cần gia hạn;</p> <p>* 85 ngày đối với vụ việc nhận qua đường bưu điện phức tạp, cần gia hạn. (Thời hạn giải quyết hồ sơ chưa bao gồm thời gian bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017 hoặc trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017) (Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào)</p>			X	
24	Công nhận hòa giải viên (Mã số 2.000373.000.00.00.H26)		Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			X	
25	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (Mã số 2.000333.000.00.00.H26)		Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			X	
26	Thời làm hòa giải viên (Mã số 2.000350.000.00.00.H26)		Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thời làm hòa giải viên.			X	
27	Thanh toán thù lao hòa giải viên (Mã số 2.002080.000.00.00.H26)		Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			X	
28	Cấp bản sao từ sổ gốc (Mã số 2.000908.000.00.00.H26)	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.			X		
29	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (Mã số 1.006850)	<p>* Thời hạn UBND cấp xã xem xét, đề nghị UBND cấp huyện giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>* Thời hạn Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>* Thời hạn UBND cấp xã chi tiền hỗ trợ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND cấp huyện.</p>	X		X		
30	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến đồng sản, quyền sở hữu đất và nhà ở (Mã số 2.001035.000.00.00.H26)	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			X		

31	Chứng thực Di chúc (Mã số 2.001019.000.00.00.H26)	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		X	
32	Thủ tục chứng thực văn bản tư chốt nhận di sản (Mã số 2.001016.000.00.00.H26)	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		X	
33	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là đồng sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (Mã số 2.001406.000.00.00.H26)	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		X	
34	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là đồng sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (Mã số 2.001009.000.00.00.H26)	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		X	
35	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận (Mã số 2.000815.000.00.00.H26)	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	QĐ 3109/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của UBND thành phố Hà Nội	X	
36	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) (Mã số 2.000884.000.00.00.H26)	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		X	

37	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch (Mã số 2.000913.000.00.00.H26)		Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			x	
38	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch (Mã số 2.000927.000.00.00.H26)		Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			x	
39	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực (Mã số 2.000942.000.00.00.H26)		Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			x	

Phụ lục II
DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ LĨNH VỰC Y TẾ

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản công bố/văn bản quy định	Số ngày thực hiện	TTHC liên thông	DVC một phần	DVC TT toàn trình	Ghi chú
1	TTHC được công bố						
1	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ	QĐ 2149/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND thành phố Hà Nội	2-5			x	
2	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số		10			x	

Phụ lục II
DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ LĨNH VỰC THANH TRA

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản công bố/văn bản quy định	Số ngày thực hiện	TTHC liên thông	DVC TT một phần	DVC TT toàn trình	Ghi chú
1	TTHC được công bố						
1	Tiếp công dân	Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố	Trong ngày				
2	Xử lý đơn tại cấp xã		10				
3	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã		30-45				
4	Giải quyết Tố cáo tại cấp xã		30-90				
5	Kê khai tài sản, thu nhập		...				
6	Tiếp nhận yêu cầu giải trình		5				
7	Thực hiện việc giải trình		15/30				

Phụ lục II

DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ LĨNH VỰC VĂN HÓA - THÔNG TIN

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản công bố/văn bản quy định	Số ngày thực hiện	TTHC liên thông	DVC TT MB 3	DVC TT MB 4	Ghi chú
1	TTHC được công bố						
1	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	5			X	
2	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa		5			X	
3	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã		15			X	
4	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng		15			X	
5	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng		15			X	
6	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng		15			X	
7	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở		7			X	

Phụ lục II
DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản công bố/văn bản quy định	Số ngày thực hiện	TTHC liên thông	DVC TT MD 3	DVC TT MD 4	Ghi chú
1	TTHC được công bố						
1	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QĐ số 492/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của Chủ tịch UBND TP Hà Nội	10				
2	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		20				
3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trẻ lại		20				
4	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		20				
5	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)		-				

Phụ lục II

DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản công bố/văn bản quy định	Số ngày thực hiện	TTHC liên thông	DVC TT MD 3	DVC TT MD 4	Ghi chú
I	TTHC được công bố						
1	Cấp giấy xác nhận thân nhân người có công	QĐ số 2184/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội	5				
2	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ nhà ở, sửa chữa nhà ở	QĐ 3180/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội	2				
3	Công nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	QĐ số 4393/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND TP Hà Nội					
4	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật		25				
5	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật		5				
6	Công nhận hộ nghèo, cận nghèo phát sinh trong năm	QĐ số: 2184/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND Thành phố Hà Nội.	7				
7	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm		7				
8	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QĐ số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội	10				
9	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QĐ số 3801/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND TP Hà Nội.					
10	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		6				
11	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QĐ số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội	15				
12	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em		15				

13	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QĐ số 6395/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND TP Hà Nội	25				
14	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	QĐ số 3089/QĐ-UBND ngày 26/08/2022 của UBND TP Hà Nội	3				

Phụ lục II
DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản công bố/văn bản quy định	Số ngày thực hiện	TTHC liên thông	DVC TT MD 3	DVC TT MD 4	Ghi chú
I	TTHC được công bố						
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Quyết định số 7130/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND TP	3				
2	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa		3				
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật		3				
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện		3				
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện		3				
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác		3				
7	Cấp lại Chứng nhận đăng ký phương tiện		3				
8	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa		3				
9	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện		3				
10	Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa bổ sung		3h				

Phụ lục II**DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản công bố/văn bản quy định	Số ngày thực hiện	TTHC liên thông	DVC TT MĐ 3	DVC TT MĐ 4	Ghi chú
I	TTHC được công bố						
1	Tham vấn trong quá trình đánh giá tác động môi trường	QĐ số 1040/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND TP	15				
2	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QĐ số 3639/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	3				
3	Hòa giải tranh chấp đất đai	QĐ 3974/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	45				

Phụ lục II
DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ LĨNH VỰC NỘI VỤ

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản công bố/văn bản quy định	Số ngày thực hiện	TTHC liên thông	DVC TT MD 3	DVC TT MD 4	Ghi chú
I	TTHC được công bố						
1	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QĐ số 5819/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội	10				
2	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề		10				
3	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất		10				
4	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình		10				
5	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến		10				
6	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QĐ 3831/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND TP	15				
7	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng		15				
8	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung		20				
9	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		1				
10	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		1				
11	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung		15				
12	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã		15				
13	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác		20				
14	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QĐ 3831/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND TP	1				
15	Thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		1				



Phụ lục II

DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ LĨNH VỰC KINH TẾ - NÔNG NGHIỆP - CÔNG THƯƠNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản công bố/văn bản quy định	Số ngày thực hiện	TTHC liên thông	DVC TT một phần	DVC TT toàn trình	Ghi chú
I	TTHC được công bố						
1	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	QĐ số 4527/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND TP	45				
2	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích		03				
3	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu		07				
4	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh		15				
5	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai		15				
6	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội		25				
7	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội		30				
8	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện		7				
9	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		20				
10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		20				
11	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa		5				

12	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND thành phố Hà Nội	10			x	
13	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu		7			x	
14	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu		7			x	
15	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		15			x	
16	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		15			x	
17	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		15			x	
18	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		10			x	
19	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		7			x	
20	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10			x		

Phụ lục V

TT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	I TTHC liên thông Xã-Huyện	
1	1 Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi.	
	Thủ tục liên thông về đăng ký khai sinh; đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi	
	Thủ tục về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế trong trường hợp đăng ký thường trú cho trẻ em mới sinh từ 01 đến 60 ngày tuổi mà có bố, mẹ cùng hộ khẩu	
2	2 Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.	
3	3 Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối trường hợp có nhu cầu	
4	4 Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	
5	5 Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	
6	6 Đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	
7	7 Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	
8	8 Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
9	9 Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dồn điền đổi thửa (đồng loạt)	
10	10 Đăng ký khai thác nước dưới đất	
9	9 Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - Pu - Chia	
10	10 Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc nuôi dưỡng hàng tháng	
11	11 Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh	
12	12 Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương	
13	13 Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	

14	14	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	
15	15	Trợ giúp cả hội khẩn cấp về hỗ trợ chi mai táng	
		II TTHC liên thông Xã-Thành phố	
16	1	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	
17	2	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành LDTBXH quản lý và cấp giấy chứng nhận thân nhân LS	
		III TTHC liên thông Xã-Thành phố-TW	
		IV TTHC liên thông Xã-Huyện-Thành phố-Trung ương	
18	1	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"	
		Đối với trường hợp hy sinh không thuộc quân đội, công an quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	
		Đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tạo khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Pháp lệnh này có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên từ vong do vết thương tái phát	
19	2	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	
		Theo điểm a Khoản 1 Điều 21 "Một trong các giấy tờ chứng minh thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi: Quyết định hưởng trợ cấp; sổ nhận trợ cấp ưu đãi; danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần khi báo tử có ký nhận của người hưởng trợ cấp; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận được lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước"	
		Theo điểm b Khoản 1 Điều 21 "Có giấy tờ quy định tại điểm a khoản này và có: Một trong các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận là liệt sĩ, hy sinh; trường hợp có tên trong danh sách, sổ quản lý liệt sĩ không có dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị tại thời điểm lập, ghi sổ nhưng đang do cơ quan chức năng địa phương quản lý thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tập hợp, chốt số lượng người và xác nhận danh sách, sổ quản lý liệt sĩ đang do cơ quan chức năng địa phương quản lý, hoàn thành trước ngày 01 tháng 5 năm 2022 và báo cáo số liệu theo Mẫu số 101 Phụ lục I Nghị định này về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 01 tháng 6 năm 2022"	
		Theo điểm c Khoản 1 Điều 21 Có giấy tờ quy định tại điểm a khoản này và có một trong các giấy tờ: giấy báo tử, giấy báo tử trận, giấy chứng nhận hy sinh hoặc có hồ sơ đang lưu tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội"	
		Theo điểm d Khoản 1 Điều 21 "Có giấy tờ quy định tại điểm a khoản này và có giấy xác nhận thông tin liệt sĩ trên bia ghi danh liệt sĩ từ cấp xã trở lên kèm theo các giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc xác nhận để khắc bia của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt bia ghi danh liệt sĩ" (trường hợp Bia ghi danh liệt sĩ do UBND cấp xã nơi người đề nghị quản lý)	
		Theo điểm d Khoản 1 Điều 21 "Có giấy tờ quy định tại điểm a khoản này và có giấy xác nhận thông tin liệt sĩ trên bia ghi danh liệt sĩ từ cấp xã trở lên kèm theo các giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc xác nhận để khắc bia của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt bia ghi danh liệt sĩ" (trường hợp Bia ghi danh liệt sĩ không do UBND cấp xã nơi người đề nghị quản lý)	

20	3	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	
21	4	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	
		Đối với người hi sinh hoặc mất tích không thuộc quân đội, công an (đối với trường hợp UBND cấp huyện cấp giấy chứng nhận hy sinh)	
		Đối với người hi sinh hoặc mất tích không thuộc quân đội, công an (đối với trường hợp UBND cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận hy sinh)	
22	5	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý	
	V	TTHC liên thông Xã-Huyện-Thành phố	
23	1	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
24	2	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp 1 lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	
25	3	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	
26	4	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
		Trường hợp chưa được nhận hỗ trợ	
		Trường hợp đã được nhận hỗ trợ	
27	5	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
		Trường hợp chưa được nhận hỗ trợ	
		Trường hợp đã được nhận hỗ trợ	
28	6	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Thành phố quản lý	
29	7	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
30	8	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	
31	9	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	
32	10	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	
33	11	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	
		Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương	
		Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương	
		Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương	
34	12	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
		Đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	

		Đối với người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ mà bố (mẹ) chưa được công nhận là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
		Đối với trường hợp người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ	
35	13	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
36	14	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	
37	15	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
38	16	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
39	17	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
40	18	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	
		Trợ cấp một lần	
		Trợ cấp mai táng	
		Trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng	
		Trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng: đối với trường hợp con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng	
41	19	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	
42	20	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	
43	24	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	
44	22	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	
45	23	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	

Phụ lục II
DANH MỤC TTHC ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỰC HIỆN TẠI CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản công bố/văn bản quy định	Số ngày thực hiện	TTHC liên thông	DVC TT một phần	DVC TT toàn trình	Ghi chú
I	Lĩnh vực văn hóa và thông tin						
1	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện nhân có phục vụ cộng đồng	Quyết định số 7563/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 ủy quyền cho giải quyết TTHC lĩnh vực văn hóa, công thương và VHXH	15		x		
2	Thông báo sát nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng		15		x		
3	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện có phục vụ cộng đồng		15		x		
II	Lĩnh vực TBXH						
1	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Quyết định số 7563/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 ủy quyền cho giải quyết TTHC lĩnh vực văn hóa, công thương					
2	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em						
3	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em						
4	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân						
5	Hỗ trợ chi phí học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng, hỗ trợ di làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động bị thu hồi đất						

6	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	và VHXH					
---	---	---------	--	--	--	--	--